

**BỘ TƯ PHÁP****PHỤ LỤC SỐ 01****Danh mục văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực luật sư và hành nghề luật sư từ năm 2006 đến nay***(Ban hành kèm theo Báo cáo số /BC-BTP ngày / /2026 của Bộ Tư pháp)*

<b>TT</b>	<b>Luật</b>	<b>Nghị quyết của QH, UBTVQH</b>	<b>Pháp lệnh</b>	<b>Nghị định</b>	<b>Thông tư, Thông tư liên tịch</b>
1.	Luật Luật sư năm 2006 có hiệu lực từ ngày 01/01/2007			Nghị định số 28/2007/NĐ-CP ngày 26/02/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Luật sư có hiệu lực từ ngày 21/3/2007	Thông tư số 02/2007/TT-BTP ngày 25/4/2007 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số quy định của Luật Luật sư, nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Luật sư có hiệu lực từ ngày 16/7/2007
2.				Nghị định số 131/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ hướng dẫn thi hành các quy định của Luật Luật sư về tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư có hiệu lực từ ngày 01/02/2009	Thông tư liên tịch số 66/2007/TTLT-BTC-BTP ngày 19/6/2007 của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp hướng dẫn về thù lao và thanh toán chi phí cho luật sư trong trường hợp luật sư tham gia tố tụng theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng có hiệu lực từ ngày 24/7/2007
3.				Nghị định số 05/2012/NĐ-CP ngày 02/02/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về đăng ký giao dịch bảo đảm, trợ giúp pháp lý, luật sư, tư vấn pháp luật có hiệu lực từ ngày 01/4/2012	Thông tư số 21/2010/TT-BTP ngày 01/12/2010 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Quy chế tập sự hành nghề luật sư có hiệu lực từ ngày 01/7/2011
4.	Luật số 20/2012/QH13 ngày 20 tháng 11 năm			Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ quy định	Thông tư số 17/2011/TT-BTP ngày 14/10/2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp

<b>TT</b>	<b>Luật</b>	<b>Nghị quyết của QH, UBTVQH</b>	<b>Pháp lệnh</b>	<b>Nghị định</b>	<b>Thông tư, Thông tư liên tịch</b>
	2012 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Luật sư có hiệu lực từ ngày 01/7/2013			chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư có hiệu lực từ ngày 28/11/2013	hướng dẫn một số quy định của Luật Luật sư, Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Luật sư, Nghị định hướng dẫn thi hành các quy định của Luật Luật sư về tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư có hiệu lực từ ngày 01/12/2011
5.				Nghị định số 137/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư có hiệu lực từ ngày 25/11/2018	Thông tư số 02/2012/TT-BTC ngày 05/01/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí trong lĩnh vực hoạt động hành nghề luật sư tại Việt Nam có hiệu lực từ ngày 01/3/2012
6.				Nghị định số 110/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp, hành chính tư pháp, hôn nhân và gia đình, thi hành án dân sự; phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã có hiệu lực từ ngày 11/11/2013	Thông tư số 19/2013/TT-BTP ngày 28/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn tập sự hành nghề luật sư có hiệu lực từ ngày 15/01/2014
7.				Nghị định số 54/2014/NĐ-CP ngày 29/5/2014 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của thanh tra ngành Tư pháp có hiệu lực từ ngày 20/7/2014	Thông tư số 10/2014/TT-BTP ngày 07/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định nghĩa vụ tham gia bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ của luật sư có hiệu lực từ ngày 21/5/2014
8.				Nghị định số 82/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ quy định xử	Thông tư liên tịch số 191/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 12/12/2014 của Bộ Tài

TT	Luật	Nghị quyết của QH, UBTVQH	Pháp lệnh	Nghị định	Thông tư, Thông tư liên tịch
				phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp; hành chính tư pháp; hôn nhân và gia đình; thi hành án dân sự; phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã có hiệu lực từ ngày 01/9/2020	chính, Bộ Tư pháp hướng dẫn về thù lao và thanh toán chi phí cho luật sư trong trường hợp luật sư tham gia tố tụng theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng có hiệu lực từ ngày 01/02/2015
9.				Nghị định số 117/2024/NĐ-CP ngày 18/9/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 82/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp; hành chính tư pháp; hôn nhân và gia đình; thi hành án dân sự; phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã có hiệu lực từ ngày 15/11/2024	Thông tư số 02/2015/TT-BTP ngày 16/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định một số mẫu giấy tờ về luật sư và hành nghề luật sư có hiệu lực từ ngày 05/3/2015
10.				Nghị định số 112/2025/NĐ-CP ngày 29/5/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực bổ trợ tư pháp có hiệu lực từ ngày 29/5/2025	Thông tư số 118/2015/TT-BTC ngày 12/8/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi một số điều của Thông tư số 02/2012/TT-BTC ngày 05/01/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí trong lĩnh vực hoạt động hành nghề luật sư tại Việt Nam có hiệu lực từ ngày 01/10/2015
11.				Nghị định số 121/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp có hiệu lực từ ngày 01/7/2025	Thông tư số 220/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hoạt động hành nghề luật sư có hiệu lực

TT	Luật	Nghị quyết của QH, UBTVQH	Pháp lệnh	Nghị định	Thông tư, Thông tư liên tịch
					từ ngày 01/01/2017
12.				Nghị định số 18/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tư pháp, có hiệu lực từ ngày 15/01/2026.	Thông tư số 02/2019/TT-BTP ngày 15/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định nghĩa vụ tham gia bồi dưỡng bắt buộc về chuyên môn, nghiệp vụ của luật sư có hiệu lực từ ngày 05/5/2019
13.				Nghị định số 109/2026/NĐ-CP ngày 01/4/2026 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp; hành chính tư pháp; hôn nhân và gia đình; thi hành án dân sự; phục hồi, phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã, có hiệu lực từ ngày 18/5/2026	Thông tư số 05/2021/TT-BTP ngày 24/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư, Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư có hiệu lực từ ngày 10/8/2021
14.				Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07/4/2026 của Chính phủ cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh, có hiệu lực từ 15/4/2026	Thông tư số 10/2021/TT-BTP ngày 10/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn tập sự hành nghề luật sư có hiệu lực từ ngày 25/01/2022
15.					Thông tư số 03/2024/TT-BTP ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung 08 thông tư liên quan đến thủ tục hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp có hiệu lực từ ngày

<b>TT</b>	<b>Luật</b>	<b>Nghị quyết của QH, UBTVQH</b>	<b>Pháp lệnh</b>	<b>Nghị định</b>	<b>Thông tư, Thông tư liên tịch</b>
					15/5/2024
16.					Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025 của Bộ Tư pháp quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp có hiệu lực từ ngày 01/7/2025
17.					Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân có hiệu lực từ ngày 01/7/2025
18.					Thông tư số 30/2025/TT-BTP ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi một số thủ tục hành chính quy định tại các thông tư trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp, có hiệu lực từ ngày 01/01/2026

**BỘ TƯ PHÁP**

**PHỤ LỤC SỐ 02**  
**THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG LUẬT SƯ, TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ,**  
**KẾT QUẢ HÀNH NGHỀ CỦA LUẬT SƯ VIỆT NAM**  
*(Ban hành kèm theo Báo cáo số 174/BC-BTP ngày 26/3/2026 của Bộ Tư pháp)*

Năm	LUẬT SƯ TRONG NƯỚC							
	Tổng số luật sư (người)	Tổng số tổ chức hành nghề luật sư (tổ chức)	Tổng số vụ, việc thực hiện xong (vụ, việc)				Doanh thu (đồng)	
			Tổng số (1 + 2 + 3)	Chia ra			Tổng số	Nộp thuế
				Số vụ tố tụng (1)	Số việc tư vấn pháp luật và dịch vụ pháp lý khác (2)	Trợ giúp pháp lý (3)		
2007	4.161	1.325	45.495	14.370	25.710	5.415	101.970.618.124	7.728.313.383
2008	5.143	1.612	49.176	15.713	30.505	2.958	233.856.376.871	26.559.971.765
2009	5.300	2.432	99.632	27.646	58.125	13.861	197.568.551.942	21.911.858.017
2010	5.821	2.698	77.594	17.153	50.559	9.882	253.538.454.115	28.484.015.283
2011	6.821	2.833	96.305	20.168	59.493	16.644	737.483.644.360	118.070.821.790
2012	7.476	3.005	63.938	17.570	35.610	10.758	1.531.862.718.097	224.425.495.380
2013	8.281	3.387	85.945	21.220	21.220	14.406	1.351.037.963.337	204.933.856.595
2014	9.064	3.432	88.108	18.081	46.563	23.464	1.252.356.123.580	332.042.068.887

Năm	LUẬT SƯ TRONG NƯỚC							
	Tổng số luật sư (người)	Tổng số tổ chức hành nghề luật sư (tổ chức)	Tổng số vụ, việc thực hiện xong (vụ, việc)				Doanh thu (đồng)	
			Tổng số (1 + 2 + 3)	Chia ra			Tổng số	Nộp thuế
				Số vụ tố tụng (1)	Số việc tư vấn pháp luật và dịch vụ pháp lý khác (2)	Trợ giúp pháp lý (3)		
2015	9.897	3.626	90.869	22.587	48.594	19.688	1.371.891.741.380	170.730.271.813
2016	10.892	3.717	85.307	17.030	45.089	23.188	614.999.174.977	61.805.759.528
2017	11.942	4.018	108.152	22.090	61.880	24.182	682.755.330.914	68.481.352.727
2018	12.821	4.121	75.183	17.634	34.946	22.603	1.925.372.495.776	334.192.445.595
2019	13.508	4.416	114.574	16.127	85.744	12.703	1.639.671.517.155	255.097.629.395
2020	15.162	4.749	100.733	16.614	71.422	12.697	2.215.453.553.943	320.036.720.193
2021	16.347	5.115	83.478	14.878	58.994	9.606	2.414.165.614.434	294.266.890.930
2022	17.284	5.429	165.051	19.201	128.577	17.273	4.765.102.192.036	481.523.325.414
2023	17.528	5.788	98.936	20.945	66.210	12.680	3.063.135.925.872	423.471.862.417
2024	19.681	6.049	105.269	22.989	70.359	12.503	8.189.345.353.458	430.280.660.275
2025	22.098	6.343	104.961	22.451	69.519	12.991	5.903.688.995.919	744.642.870.050

**BỘ TƯ PHÁP****PHỤ LỤC SỐ 03****THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG LUẬT SƯ, TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ, KẾT QUẢ HÀNH NGHỀ CỦA LUẬT SƯ NƯỚC NGOÀI, TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM<sup>1</sup>***(Ban hành kèm theo Báo cáo số 174/BC-BTP ngày 26/3/2026 của Bộ Tư pháp)*

<b>Năm</b>	<b>Số lượng luật sư</b>	<b>Số lượng tổ chức hành nghề luật sư</b>	<b>Doanh thu</b>	<b>Nộp thuế</b>
2007	65	33	165.221.248.581	26.312.829.951
2008	73	39	376.509.666.816	61.688.780.108
2009	112	65	412.028.853	71.535.076.640
2010	75	71	349.565.053.346	61.947.247.434
2011	75	71	Không có báo cáo	Không có báo cáo
2012	153	77	239.283.733.000	37.011.309.000
2013	116	79	795.998.185.000	136.090.871
2014	163	89	573.687.749.000	114.507.946.000
2015	254	96	912.711.022.000	138.466.521.000
2016	60	101	Không có báo cáo	Không có báo cáo
2017	133	104	1.266.844.055.609	190.500.177.960
2018	195	108	1.236.651.335.320	26.312.829.951
2019	222	110	1.885.053.847.179	332.264.607.818
2020	165	113	9.416.084.577.771	309.258.953.159
2021	206	114	1.435.016.239.626	182.810.580.306
2022	212	117	2.390.098.105.643	369.416.840.473
2023	165	70	3.095.118.317.226	523.878.987.858
2024	172	72	712.932.000.000	89.260.000.000
9/2025	255	123	398.454.290.640	33.434.978.208

<sup>1</sup> Thống kê từ Sở Tư pháp thành phố Hà Nội và Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh, theo thống kê của Bộ Tư pháp thì hiện có 101 tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài (40 chi nhánh, 61 công ty luật) và hơn 300 luật sư nước ngoài đang hành nghề tại Việt Nam



**BỘ TƯ PHÁP****PHỤ LỤC SỐ 04****THỐNG KÊ GIA NHẬP ĐOÀN LUẬT SƯ, KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỘT SỐ NHIỆM VỤ CỦA LUẬT SƯ,  
XỬ LÝ KỶ LUẬT LUẬT SƯ***(Ban hành kèm theo Báo cáo số 174/BC-BTP ngày 26/3/2026 của Bộ Tư pháp)*

Năm	Tổng số người gia nhập Đoàn luật sư	Số luật sư ra khỏi danh sách luật sư			Kết quả thực hiện một số nhiệm vụ của luật sư					Xử lý kỷ luật luật sư					
		Bị xử lý kỷ luật bằng hình thức xóa tên khỏi danh sách thành viên Đoàn luật sư	Thời hành nghề theo nguyện vọng	Lý do khác	Tổng số vụ án hình sự thực hiện theo chỉ định	Tổng số vụ việc trợ giúp pháp lý thực hiện theo quy định của Luật luật sư	Tổng số luật sư thực hiện nghĩa vụ bồi dưỡng bắt buộc về chuyên môn, nghiệp vụ			Khiển trách	Cảnh cáo	Tạm đình chỉ tư cách thành viên Đoàn luật sư	Xóa tên khỏi danh sách của Đoàn luật sư		
							Tổng số luật sư thực hiện đầy đủ	Tổng số luật sư thực hiện chưa đầy đủ	Tổng số luật sư không thực hiện				Tổng số	Trong đó: Số luật sư không đóng phí thành viên	Trong đó: Số luật sư bị xử lý hình sự
2010	5.641	0	42	3	7.119	0	/	/	/	0	0	0	0	0	0
2011	1.238	3	71	14	7.767	17.933	/	/	/	0	0	0	03	0	02
2012	919	8	108	14	8.428	8.131	/	/	/	0	04	01	26	20	02
2013	1.016	8	89	15	8.698	5.207	/	/	/	01	03	05	09	01	01
2014	815	8	88	16	5.982	6.556	/	/	/	01	01	01	08	03	02
2015	996	6	71	14	6.749	7.250	4.875	872	4.168	01	03	03	06	0	1

Năm	Tổng số người gia nhập Đoàn luật sư	Số luật sư ra khỏi danh sách luật sư			Kết quả thực hiện một số nhiệm vụ của luật sư					Xử lý kỷ luật luật sư					
		Bị xử lý kỷ luật bằng hình thức xóa tên khỏi danh sách thành viên Đoàn luật sư	Thời hành nghề theo nguyện vọng	Lý do khác	Tổng số vụ án hình sự thực hiện theo chỉ định	Tổng số vụ việc trợ giúp pháp lý thực hiện theo quy định của Luật luật sư	Tổng số luật sư thực hiện nghĩa vụ bồi dưỡng bắt buộc về chuyên môn, nghiệp vụ			Khiển trách	Cảnh cáo	Tạm đình chỉ tư cách thành viên Đoàn luật sư	Xóa tên khỏi danh sách của Đoàn luật sư		
							Tổng số luật sư thực hiện đầy đủ	Tổng số luật sư thực hiện chưa đầy đủ	Tổng số luật sư không thực hiện				Tổng số	Trong đó: Số luật sư không đóng phí thành viên	Trong đó: Số luật sư bị xử lý hình sự
2016	1.384	15	99	53	6.194	85.320	4.582	1.601	4.731	04	05	05	78	63	01
2017	1.151	7	48	20	5.905	18.022	4.865	1.607	5.470	04	06	07	05	03	0
2018	1.281	331	45	12	7.421	20.692	4.996	1.945	5.880	03	01	04	331	321	02
2019	1.233	13	63	41	5.477	12.835	7.327	0	6.532	06	06	03	13	02	0
2020	1.518	14	58	23	5.757	17.877	5.153	200	11.520	09	04	05	11	07	02
2021	1.353	23	68	21	5.343	7.329	4.627	200	11.520	03	03	02	24	20	01
2022	1.170	34	84	28	7.431	13.976	7.265	320	9.699	07	02	10	36	30	02
2023	2709	805	83	28	83515	11.862	8.162	380	9.854	8	1	12	592	586	1
2024	2593	221	85	26	8.856	13.481	8.780	530	10.969	7	8	17	214	202	3
9/2025	1928	105	65	33						3	6	18	51	43	0

**BỘ TƯ PHÁP****PHỤ LỤC SỐ 05****THỐNG KÊ VỀ VIỆC THANH TRA, KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH CỦA LUẬT SƯ***(Ban hành kèm theo Báo cáo số 174/BC-BTP ngày 26/3/2026 của Bộ Tư pháp)*

<b>Năm</b>	<b>Luật sư trong nước</b>			<b>Luật sư nước ngoài</b>		
	Tổng số tổ chức thanh tra, kiểm tra	Tổng số quyết định xử phạt	Tổng số tiền phạt	Tổng số tổ chức kiểm tra, thanh tra	Tổng số quyết định xử phạt	Tổng số tiền phạt
2007	60	2	0	0	0	0
2008	69	0	0	0	0	0
2009	108	5	18.750.000	0	0	0
2010	132	5	17.500.000	0	1	4.000.000
2011	194	6	15.000.000	0	0	0
2012	205	10	26.500.000	0	1	2.000.000
2013	292	23	64.000.000	0	0	0
2014	284	59	103.880.000	0	0	0
2015	245	95	236.500.000	2	3	27.000.000
2016	280	54	89.045.000	7	0	0
2017	242	57	244.500.000	9	4	55.500.000

2018	239	62	155.000.000	1	0	0
2019	222	24	90.500.000	0	0	0
2020	167	34	168.500.000	0	0	0
2021	158	28	245.500.000	5	0	0
2022	210	92	922.500.000	6	1	8.500.000
2023	248	151	1.550.350.000	8	5	56.000.000
2024	199	103	1.013.050.000	10	13	147.000.000
9/2025	86	26	384.000.000	0	1	7.000.000